TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/*2018/DSST*
Ngày: 11/12/2018
V/v "Tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Thu Thủy-Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Bạch Nhạn.

Ngày 11 tháng 12 năm 2018, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 434/2016/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 11 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1992;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: tổ 4, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị D có mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Nguyễn Thị Kiều D trình bày:

Vào năm 2012, thông qua mai mối chị và anh N đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới và sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P vào ngày 29/01/2013, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, có một con chung là Nguyễn Phúc D sinh ngày 22/12/2012. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được 03 năm, đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N không lo làm ăn, không quan tâm vợ con, mặc dù chị đã khuyên răn nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Đến ngày 16/4/2015 âm lịch thì chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện T, tỉnh Vĩnh Long sống và anh chị ly thân từ đó đến nay. Nay chị D xác định là không còn tình cảm với anh N do đó chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: chị D và anh N có 01 con chung tên Nguyễn Phúc D sinh ngày 22/12/2012; hiện cháu Dương đang sống với anh N, chị D đồng ý giao cháu Dương cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị D không cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên Tòa, anh N đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh N vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D.

Tại phiên tòa, chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh N và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh N vắng mặt mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo đúng quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh N vắng mặt, chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Kiều D với anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Phúc D, sinh ngày 22/12/2012. Từ khi chị D và anh N sống ly thân cho đến nay thì cháu Dương sống với anh N đã có cuộc sống ổn định, anh N vẫn nuôi dưỡng cháu tốt, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho anh N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.Về tài sản chung của anh chị: do không có tranh chấp, không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh N. Theo quy định tại khoản 1, 4 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Anh Nguyễn Văn N đã được tòa án giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật, nhưng anh vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 bộ Luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N.

2. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Kiều D với anh Nguyễn Văn N chung sống như vợ chồng từ năm 2012 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2013 ngày 29/01/2013, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ

chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N không lo làm ăn, không quan tâm vợ con mâu thuẫn kéo dài đến khoảng tháng 4 năm 2015 thì trở nên trầm trọng nên chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị ly thân từ đó đến nay.

Tại phiên tòa hôm nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ và cương quyết ly hôn với anh N. Điều đó cho thấy trình trạng hôn nhân giữa chị D với anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị D với anh N sống ly thân nhau đến nay đã hơn 03 năm nhưng vợ chồng cũng không có biện pháp gì để hàn gắn đoàn tụ, nên chị D xin ly hôn với anh N là có căn cứ. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị ly hôn với anh N.

Riêng anh N từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến nay anh đã được tống đạt các thông báo và quyết định hợp lệ theo quy định của pháp luật, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N đến Tòa để tổ chức hòa giải, tạo điều kiện để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh đều vắng mặt tại các phiên hòa giải không có lý do vì vậy không thể tiến hành hòa giải được và anh cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, điều đó cho thấy anh N không có thiện chí để hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Thực tế anh chị đã ly thân hơn 03 năm mà anh cũng không có giải pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với Anh N.

3. Về con chung:

Chị D đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Phúc D, sinh ngày 22/12/2012 cho anh N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy vì từ khi chị D và anh N sống ly thân cho đến nay thì cháu Dương sống với anh N đã có cuộc sống ổn định, anh N vẫn nuôi dưỡng cháu tốt. Căn cứ vào điều 81và điều 82 luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu D cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Văn N không yêu cầu chị Nguyễn Thị Kiều D cấp dưỡng nuôi con và chị D cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung: Tự giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Về nợ chung: Không có. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo chị Nguyễn Thị Kiều D và anh Nguyễn Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Xử **:**

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kiều D ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2/. *Về con chung:* Tiếp tục giao con chung là cháu Nguyễn Phúc D, sinh ngày 22/12/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu.

Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung :* Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nợ chung: không có.

4/. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Kiều D phải nộp 200.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 11873 ngày 21/12/2016 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị D đã nộp xong.

5/. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong